

Bản án số: 87/2025/HNGĐ-ST

Ngày 10 tháng 02 năm 2025

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Bờ - Bà Trương Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 648/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 808/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị Thanh H, sinh năm 1985; nơi thường trú: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; địa chỉ liên hệ: Số A, tổ E, khu phố D, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Lê Hoàng T, sinh năm 1980; nơi cư trú: Số E tổ A, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/7/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Đặng Thị Thanh H trình bày:

- Về hôn nhân: Bà H và ông T tự tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc; tuy nhiên, thời gian dần về sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, mặc dù đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả, nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2022 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà H và ông T có 02 con chung tên Lê Thành T1, sinh ngày 10/10/2005 (đã thành niên và có khả năng lao động được) và Lê Thị Thu N, sinh ngày 07/10/2011 (đang chung sống với bà H). Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Thị Thu N, không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng khác nhưng bị đơn ông Lê Hoàng T vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến về vụ án.

Tại phiên tòa,

Bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, trong đó giữ nguyên ý kiến, yêu cầu như đã nêu trên.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H ly hôn với ông T.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung Lê Thị Thu N, sinh ngày 07/10/2011 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa các đương sự về việc ly hôn, bị đơn cư trú tại huyện C, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông T vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

[2.1] Bà H và ông T tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang vào ngày 23/5/2005, nên hôn nhân được pháp luật công nhận kể từ ngày đăng ký kết hôn, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, vợ chồng có bất đồng quan điểm sống nên đã sống ly thân từ tháng 4/2022 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để ghi nhận ý kiến, tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ, nhưng ông T vắng mặt và bà H vẫn kiên quyết ly hôn; cho đến nay vợ chồng vẫn sống ly thân và không thể tự hàn gắn tình cảm. Tại phiên tòa, bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông T.

[2.2] Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; có nghĩa vụ sống chung với nhau. Tuy nhiên, giữa bà H và ông T đã không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H ly hôn với ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà H và ông T có 02 con chung tên Lê Thành T1, sinh ngày 10/10/2005 và Lê Thị Thu N, sinh ngày 07/10/2011. Xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân đến nay thì bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu N; cháu N có nguyện vọng tiếp tục chung sống với bà H. Đối với con chung Lê Thành T1 đã thành niên và có khả năng lao động được. Do đó, để đảm bảo cho cháu N ổn định về tâm lý, chỗ ở, học tập, sinh hoạt và sự phát triển bình thường của cháu, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu N cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H phải tạo điều kiện cho ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng: Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác theo quy định pháp luật.

[6] Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp. Ông T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, các điều 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 9, 19, 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Đặng Thị Thanh H ly hôn với ông Lê Hoàng T.

2. Về con chung:

- Bà H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Thị Thu N, sinh ngày 07/10/2011. Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình của mình, không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục con. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006170 ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Đặng Thị Thanh H và ông Lê Hoàng T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi *nhận:* **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Dương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- CCTHADS huyện Châu Phú;
- UBND xã Bình Thủy
(khi có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

Nguyễn Duy Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Bờ
Thu Thủy

Trương Thị

Nguyễn Duy Linh